

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025; Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025;

Căn cứ Điều 55 và Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2015/QH13 ngày 19/6/2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án;

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số 2783/2026/TLST-VHNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn";

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 46 ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân phường T, thành phố V (nay là: phường T), tỉnh Nghệ An cấp cho ông Võ Tá T và bà Hoàng Thị Nhật L;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 08 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 08 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

1.1. Ông Võ Tá T, sinh năm 1992.

Căn cước công dân số: 040092024134.

Thường trú: 10 C, Khối T, phường T, tỉnh Nghệ An.

Tạm trú: 585 Đ, Khu phố E, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Bà **Hoàng Thị Nhật L**, sinh năm 1997.

Căn cước công dân số: 042197010472.

Thường trú: **Tổ dân phố T, phường B, tỉnh Hà Tĩnh.**

Tạm trú: 129/9 B, Khu phố D, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Ông **Võ Tá T** và bà **Hoàng Thị Nhật L** không có con chung.

2.2. Về tài sản chung và nợ chung: Ông **Võ Tá T** và bà **Hoàng Thị Nhật L** thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Lệ phí sơ thẩm: Ông **Võ Tá T** và bà **Hoàng Thị Nhật L** phải chịu theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được căn trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai số 0003277 ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Thi hành **án dân sự Thành phố H**. Ông **Võ Tá T** và bà **Hoàng Thị Nhật L** đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND KV5-TPHCM;
- THADS TPHCM;
- UBND P.Trường Vinh, tỉnh Nghệ An;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5
THẨM PHÁN**

Vũ Thị Thúy Vân